|  |  |
| --- | --- |
| BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ | CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập – Tự do – Hạnh phúc |
| Số: *[…]* /QĐ-BKHCN | *Hà Nội, ngày […] tháng […] năm […]* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu *[số lượng]* gói thầu của nhiệm vụ “[*tên đề tài/dự án/nhiệm vụ*]”, mã số [ ………………] thuộc Chương trình [……]**

# BỘ TRƯỞNG

# BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Căn cứ Luật đấu thầu số 43/2013/QH13 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16/8/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức chính trị xã hội nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT ngày 26/10/2015 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu, lộ trình áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng và quản lý, sử dụng giá trị bảo đảm dự thầu, bảo đảm thực hiện hợp đồng không được hoàn trả;

*Căn cứ Hợp đồng [nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ] số […….] ngày […]/[…] /[…];*

*Trên cơ sở đề nghị của [Tên Tổ chức chủ trì] tại Tờ trình số [......................] ngày […] /[…] /[…];*

*Xét đề nghị của Giám đốc Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia và [Thủ trưởng các đơn vị phối hợp triển khai nhiệm vụ/Chương trình].*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu [*số lượng*] gói thầu của [nhiệm vụ] “[*tên đề tài/dự án/nhiệm vụ*]”, mã số [………………] thuộc Chương trình [……] với thông tin chi tiết tại Phụ lục 01 và Phụ lục 02 kèm theo.

**Điều 2.** Giao [*Tên Tổ chức chủ trì*] có trách nhiệm:

*[Đối với trường hợp Đấu thầu rộng rãi:*

*Thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu; phê duyệt hồ sơ mời thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; đánh giá hồ sơ dự thầu và thương thảo hợp đồng; thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; hoàn thiện, ký kết hợp đồng và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành.*

*Đối với trường hợp Chào hàng cạnh tranh thông thường:*

*Thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu; phê duyệt hồ sơ yêu cầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo hợp đồng; thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; hoàn thiện, ký kết hợp đồng và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành.*

*Đối với trường hợp Chào hàng cạnh tranh rút gọn:*

*Thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu; phê duyệt bản yêu cầu báo giá; tổ chức lựa chọn nhà thầu; đánh giá các báo giá và thương thảo hợp đồng; thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả lựa chọn nhà thầu; hoàn thiện, ký kết hợp đồng và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành.*

*Đối với trường hợp Chỉ định thầu thông thường:*

*Thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu; phê duyệt hồ sơ yêu cầu và xác định nhà thầu được đề nghị chỉ định thầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu; thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả chỉ định thầu; hoàn thiện, ký kết hợp đồng và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả chỉ định thầu theo quy định hiện hành.*

*Đối với trường hợp Chỉ định thầu rút gọn:*

*Thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lập dự thảo hợp đồng; xác định nhà thầu đủ năng lực và kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu của gói thầu; thương thảo, hoàn thiện hợp đồng; phê duyệt và ký hợp đồng với nhà thầu được lựa chọn theo quy định hiện hành.*

*Đối với trường hợp Mua sắm trực tiếp:*

*Thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu; phê duyệt hồ sơ yêu cầu; tổ chức lựa chọn nhà thầu; đánh giá hồ sơ đề xuất và thương thảo về các đề xuất của nhà thầu; thẩm định, phê duyệt và công khai kết quả mua sắm trực tiếp; hoàn thiện, ký kết hợp đồng và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả mua sắm trực tiếp theo quy định hiện hành.*

*Đối với trường hợp Tự thực hiện:*

*Thực hiện kế hoạch lựa chọn nhà thầu; lập phương án tự thực hiện và dự thảo hợp đồng (hoặc thỏa thuận giao việc); Hoàn thiện phương án tự thực hiện và thương thảo, hoàn thiện hợp đồng (hoặc thỏa thuận giao việc); Ký kết hợp đồng (hoặc thỏa thuận giao việc) và báo cáo Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về kết quả tự thực hiện theo quy định hiện hành.]*

**Điều 3.** Giám đốc Văn phòng các Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia, *[Thủ trưởng các đơn vị phối hợp triển khai nhiệm vụ/Chương trình]*, Thủ trưởng Tổ chức chủ trì [*đề tài/dự án/nhiệm vụ*], Chủ nhiệm [đề tài/dự án/nhiệm vụ] và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Lưu: VT, VPCTQG. | **KT. BỘ TRƯỞNG**  **THỨ TRƯỞNG**  **[Họ và tên]** |

**Phụ lục 01**

**KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU [*SỐ LƯỢNG*] GÓI THẦU THUỘC [ĐỀ TÀI/ DỰ ÁN/NHIỆM VỤ] MÃ SỐ [……]**

*(Kèm theo Quyết định số:[....]/QĐ-BKHCN ngày [....] tháng [....] năm [....]*

*của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên gói thầu** | **Giá gói thầu (đồng)** | **Nguồn vốn** | **Hình thức lựa chọn nhà thầu** | **Phương thức lựa chọn nhà thầu** | **Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu** | **Loại hợp đồng** | **Thời gian thực hiện hợp đồng** |
| 1 | [*Tên gói thầu (1)*] | [*Giá gói thầu số 1*] | Ngân sách Nhà nước | Đấu thầu rộng rãi trong nước (qua mạng) | Một giai đoạn một túi hồ sơ | *[Quý/năm hoặc tháng/năm]* | Trọn gói | [*số ngày*] ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực |
| 2 | [*Tên gói thầu (2)* ] | [*Giá gói thầu số 2*] | Ngân sách Nhà nước | *Chào hàng cạnh tranh trong nước* (theo quy trình thông thường, qua mạng) | Một giai đoạn một túi hồ sơ | *[Quý/năm hoặc tháng/năm]* | Trọn gói | [*số ngày*] ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực |
| 3 | [*Tên gói thầu (3)* ] | [*Giá gói thầu số 3*] | Ngân sách Nhà nước | *Chào hàng cạnh tranh trong nước (theo quy trình rút gọn, qua mạng)* | Một giai đoạn một túi hồ sơ | *[Quý/năm hoặc tháng/năm]* | Trọn gói | [*số ngày*] ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực |
| 4 | [*Tên gói thầu (4)* ] | [*Giá gói thầu số 4*] | Ngân sách Nhà nước | *Chỉ định thầu trong nước (theo quy trình thông thường)* | Một giai đoạn một túi hồ sơ | *[Quý/năm hoặc tháng/năm]* | Trọn gói | [*số ngày*] ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực |
| 5 | [*Tên gói thầu (5)* ] | [*Giá gói thầu số 5*] | Ngân sách Nhà nước | *Chỉ định thầu trong nước ( theo quy trình rút gọn)* | | *[Quý/năm hoặc tháng/năm]* | Trọn gói | [*số ngày*] ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực |
| 6 | [*Tên gói thầu (6)* ] | [*Giá gói thầu số 6*] | Ngân sách Nhà nước | *Mua sắm trực tiếp* | Một giai đoạn một túi hồ sơ | *[Quý/năm hoặc tháng/năm]* | Trọn gói | [*số ngày*] ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực |
| 7 | [*Tên gói thầu (7)* ] | [*Giá gói thầu số 7*] | Ngân sách Nhà nước | *Tự thực hiện* | | *[Quý/năm hoặc tháng/năm]* | Trọn gói | [*số ngày*] ngày kể từ ngày Hợp đồng có hiệu lực |
| **Tổng giá trị gói thầu: [*Tổng giá trị gói thầu*] đồng;**  *(Bằng chữ: [Viết bằng chữ])./.* | | | | | | | | |

**Phụ lục 02**

**DANH MỤC CHI TIẾT [*SỐ LƯỢNG*] GÓI THẦU THUỘC [ĐỀ TÀI/ DỰ ÁN/NHIỆM VỤ] MÃ SỐ[……]**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-BKHCN ngày tháng năm*

*của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

|  |
| --- |
| **1. Gói thầu số 01:** [*Tên gói thầu 1* ] |

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | | **Tên hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| 1 | |  |  |  |
| 2 | |  |  |  |
| 3 | |  |  |  |
| … | |  |  |  |
| … | |  |  |  |
| n | |  |  |  |
| **Giá gói thầu: ……………..đồng;**  *(Bằng chữ: …………………………………………….)./.* | | | | |
| **2. Gói thầu số 02:** [*Tên gói thầu 2*] | | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| … |  |  |  |
| … |  |  |  |
| n |  |  |  |
| **Giá gói thầu: ……………..đồng;**  *(Bằng chữ: …………………………………………….)./.* | | | |
| **3. Gói thầu số 03:** [*Tên gói thầu 3*] | | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| … |  |  |  |
| … |  |  |  |
| n |  |  |  |
| **Giá gói thầu: ……………..đồng;**  *(Bằng chữ: …………………………………………….)./.* | | | |
| **4. Gói thầu số 04:** [*Tên gói thầu 4*] | | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| … |  |  |  |
| … |  |  |  |
| n |  |  |  |
| **Giá gói thầu: ……………..đồng;**  *(Bằng chữ: …………………………………………….)./.* | | | |
| **5. Gói thầu số 05:** [*Tên gói thầu 5*] | | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| … |  |  |  |
| … |  |  |  |
| n |  |  |  |
| **Giá gói thầu: ……………..đồng;**  *(Bằng chữ: …………………………………………….)./.* | | | |
| **6. Gói thầu số 06:** [*Tên gói thầu 6*] | | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| … |  |  |  |
| … |  |  |  |
| n |  |  |  |
| **Giá gói thầu: ……………..đồng;**  *(Bằng chữ: …………………………………………….)./.* | | | |
| **7. Gói thầu số 07:** [*Tên gói thầu 7*] | | | |

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên hàng hóa** | **Đơn vị tính** | **Số lượng** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| 3 |  |  |  |
| … |  |  |  |
| … |  |  |  |
| n |  |  |  |
| **Giá gói thầu: ……………..đồng;**  *(Bằng chữ: …………………………………………….)./.* | | | |